

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng
ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 1173/HD-SNV ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1100/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào

tạo về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo; Thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Bộ GDĐT;
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy

QUY ĐỊNH

Về công tác Thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này hướng dẫn, cụ thể hoá các nội dung về công tác Thi đua, khen thưởng trong phạm vi thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền, hồ sơ thủ tục, thời gian xét khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua và được khen thưởng, quỹ thi đua, khen thưởng, trách nhiệm chi thưởng.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục; Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là Quy định 11) và các văn bản hướng dẫn thực hiện khác có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, các phòng thuộc Sở (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Sở).

2. Các trường có cấp Trung học phổ thông, Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi chung là các đơn vị trực thuộc Sở).

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng từ 01 năm trở lên làm việc tại các đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Các đối tượng áp dụng khen thưởng chuyên đề, đột xuất, xét Kỷ niệm chương:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

c) Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố;

d) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều này;

đ) Người học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4 Nghị định 98/2023/NĐ-CP; Điều 4 Quy định 11, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

1. Hằng năm, cá nhân, tập thể không phải đăng ký cụ thể danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Khi xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể phải căn cứ vào thành tích đạt được trong phong trào thi đua mà cá nhân, tập thể đó tham gia. Cá nhân, tập thể đủ tiêu chuẩn tặng hình thức, mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức, mức hạng đó. Không đề nghị khen thưởng vượt mức hạng.

3. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng với các thành tích khác nhau. Không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó.

4. Xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý, phụ trách. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người lao động trực tiếp giảng dạy; cá nhân, tập thể ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới đất liền và xã đảo.

5. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.

6. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

7. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

8. Các đơn vị trực thuộc Sở được xét khen thưởng theo Khối thi đua suy tôn và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua Khen thưởng ngành vào dịp tổng kết thi đua hằng năm.

9. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với:

a) Cá nhân, tập thể trong thời gian bị cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được báo chí nêu, đang được xác minh làm rõ;

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian

kỷ luật mà cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

b) Các đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ 01 năm (dưới 12 tháng).

Đối với những cơ quan, đơn vị chia tách, sáp nhập vẫn xem xét đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, nhưng phải căn cứ thành tích của cả thời gian trước và sau chia tách, sáp nhập.

10. Không xét khen thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể thực hiện công việc được đảm nhận theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

Hình thức tổ chức thi đua được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng, gồm:

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của cơ quan, đơn vị.

a) Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị;

b) Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm học hoặc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề: Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn, các cơ quan, đơn vị phát động, tổ chức các phong trào thi đua theo chuyên đề phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu... khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng, chỉ tiêu, nội dung, tiêu chí, giải pháp và thời gian.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo nguyên tắc cấp nào chủ trì phát động phong trào thi đua, khi sơ kết, tổng kết thì cấp đó xét, khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh thì trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Thi đua, Khen thưởng, bao gồm:

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua: Tổ chức phong trào thi đua gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển của cơ quan, đơn vị. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cá nhân, tập thể.

2. Phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua: Việc phát động phong trào thi đua cần kết hợp với việc triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể tích cực hưởng ứng, tham gia các hoạt động của phong trào thi đua.

3. Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua: Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, hướng dẫn, kiểm tra đối với việc triển khai, thực hiện phong trào thi đua.

4. Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến: Phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng trong các phong trào thi đua.

5. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để cá nhân, tổ chức khác học tập và làm theo.

Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; hạn chế và nguyên nhân; rút kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua.

Điều 6. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, bao gồm:

- a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;
- c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, bao gồm:

- a) Cờ thi đua của Chính phủ;
- b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh: áp dụng đối với tập thể là thành viên Khối thi đua theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Tập thể lao động xuất sắc;
- d) Tập thể lao động tiên tiến.

Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ. Việc công nhận cần được thể hiện bằng văn bản chứng nhận hoặc xác nhận theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP trong thành phần hồ sơ. Thủ tục đề nghị chứng nhận thực hiện theo quy định của Hội đồng xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh (Cơ quan Thường trực là Sở Khoa học và Công nghệ).

2. Cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp họp, bỏ phiếu và có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).

3. Thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm có quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” để xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi cấp tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi cấp tỉnh của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

2. Cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp họp, bỏ phiếu và có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm khi kết thúc năm học, năm công tác cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc

Sở và các đơn vị công lập trực thuộc Sở, theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng. Cụ thể như sau:

- a. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
 - b. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến, đề tài khoa học đã được nghiệm thu và được Hội đồng Sáng kiến cấp Sở công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài khoa học.
2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học trong phạm vi ảnh hưởng ở cấp cơ sở để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
3. Cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, biên bản xét khen thưởng).

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm khi kết thúc năm học, năm công tác cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các đơn vị thuộc Sở và các đơn vị công lập trực thuộc Sở, đạt các tiêu chuẩn Quy định 11. Cụ thể như sau:

- a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan
- b) Có đạo đức, lối sống lành mạnh; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ; tích cực tham gia phong trào thi đua; tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.
- c) Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

a) Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải chấp hành tốt

quy định của cơ sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên.

d) Đối với cá nhân chuyển công tác hoặc được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ (đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức) hoặc cơ quan, đơn vị mới (đối với cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức) thực hiện. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

đ) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

Điều 11. Cờ thi đua của Chính phủ

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, được Cụm, Khối thi đua bình xét, đánh giá, so sánh, lấy phiếu tín nhiệm của các thành viên trong Cụm, Khối thi đua đạt mức tiêu biểu xuất sắc trong số các thành viên của Cụm, Khối thi đua và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” đối với Cụm thi đua các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập, tổ chức và hoạt động bình xét thi đua của các Cụm, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: Không quá 02 tập thể. Không bình xét đề nghị 02 Cờ thi đua của Chính phủ trong cùng một Cụm, Khối thi đua.

3. Tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).

Điều 12. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật Thi đua, khen thưởng; và Điều 6 Quy định 11, cụ thể:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác

2. Tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).

Không bình xét đề nghị 02 Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh trong cùng một Cụm, Khối thi đua.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm khi kết thúc năm học, năm công tác cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng. Cụ thể:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” gồm các đơn vị thuộc Sở và trực thuộc Sở.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm khi kết thúc năm học, năm công tác cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng. Cụ thể:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

đ) Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” gồm các đơn vị thuộc Sở, các đơn vị công lập trực thuộc Sở.

Chương III

CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG; ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 15. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng công trạng: Là khen thưởng cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong công tác, thực hiện nhiệm vụ chính trị được đánh giá, bình xét, đề nghị khen thưởng hằng năm, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng đột xuất: Là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

3. Khen thưởng phong trào thi đua: Là khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, của tỉnh, cơ quan, đơn vị.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến: Là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại: Là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Điều 16. Huân chương Độc lập

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất

“Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Đã được tặng “Huân chương Độc lập” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

2. “Huân chương Độc lập” hạng Nhì:

“Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Đã được tặng “Huân chương Độc lập” hạng Ba và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

3. “Huân chương Độc lập” hạng Ba:

“Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhất và sau đó có liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

* Ghi chú: Huân chương Độc lập không xét tặng cho cá nhân về thành tích theo công trạng.

Điều 17. Huân chương Lao động

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất:

a) “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 42 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 02 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;

b) “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 42 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của Ủy ban

nhân dân tỉnh hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì:

a) “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 43 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Ba và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 01 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

b) “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 43 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng Ba và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

3. “Huân chương Lao động” hạng Ba:

a) “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 01 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 44 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73 Luật Thi đua, khen

thường, cụ thể: Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 73 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định 11. Cụ thể:

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 12 Quy định 11, cụ thể: Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua chuyên đề do tỉnh phát động, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị;

b) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12 Quy định 11, và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

b1) Học sinh, học viên, sinh viên được Bộ GDĐT cử tham gia các cuộc thi, hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp khu vực Quốc tế, Quốc tế và đoạt huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba mà chưa được Bộ GDĐT tặng Bằng khen;

b2) Học sinh, học viên, sinh viên được Sở GDĐT cử tham gia trong các cuộc thi, hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan do Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức và đoạt huy chương vàng hoặc giải nhất mà chưa được Bộ GDĐT tặng Bằng khen;

b3) Cán bộ, giáo viên được các cấp có thẩm quyền phân công trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn cho các đối tượng quy định tại điểm b1, b2 khoản này;

b4) Lập được thành tích đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước;

c) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Quy định 11, và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Có nhiều thành tích đóng góp trong các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh;

Có thời gian công tác từ 10 năm trở lên, và có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của đơn vị, được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập của đơn vị vào năm tròn;

d) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Quy định 11, cụ thể: Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Quy định 11, cụ thể: Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề do tỉnh phát động, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, tỉnh;

b) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Quy định 11, và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Được các cấp có thẩm quyền phân công trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn cho các đối tượng quy định tại điểm b1, b2 khoản 1 Điều này.

Lập được thành tích đột xuất khi cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước;

c) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Quy định 11, và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Có nhiều thành tích đóng góp trong các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh;

Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn có bề dày truyền thống, lập được nhiều thành tích xuất sắc, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh, chấp hành tốt chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, nội vụ đoàn kết tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác;

d) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 Quy định 11, cụ thể: Có 02 năm liên tục tính đến thời điểm xét khen thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Điều 20. Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT

1. Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT để tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Bộ GDĐT, Sở GDĐT tổ chức;

b) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Quy định 11, và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

b1) Học sinh, học viên, sinh viên được Sở GDĐT cử tham gia các cuộc thi, hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan do Bộ GDĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức và đoạt huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba, khuyến khích mà chưa được Bộ GDĐT hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen;

b2) Học sinh, học viên, sinh viên đoạt giải nhất hoặc Huy chương vàng trong các hội thi, cuộc thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh do Sở GDĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức;

b3) Học sinh, học viên đoạt giải Nhất kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh do Sở GDĐT tổ chức;

b4) Mười (10) học sinh, học viên có điểm xét tốt nghiệp cao nhất tại kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm;

b5) Cán bộ, giáo viên được các cấp có thẩm quyền phân công trực tiếp bồi dưỡng, huấn luyện, hướng dẫn cho các đối tượng quy định tại điểm b1, b2, b3 khoản này;

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chú trọng xét tặng giấy khen cho cá nhân được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cá nhân có sáng kiến hoặc giải pháp công tác áp dụng có hiệu quả trong cơ quan, đơn vị được người đứng đầu công nhận.

2. Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo được các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp ghi nhận;

d) Tập thể được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào

thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các cá nhân trong tập thể; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Nếu có tổ chức đảng, đoàn thể phải đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có cá nhân là người đứng đầu tập thể xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các trường hợp khác do Giám đốc Sở GDĐT quyết định.

Điều 21. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao có thời gian từ 03 năm trở lên có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương lan tỏa trong ngành Giáo dục; hoặc có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét hàng năm, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ GDĐT phát động; hoặc trong thực hiện nhiệm vụ mà Bộ trưởng Bộ GDĐT giao có thời gian từ 05 năm trở lên có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương lan tỏa trong ngành Giáo dục;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, có tác dụng nêu gương và được đơn vị, địa phương ghi nhận, tôn vinh;

c) Có nhiều đóng góp đặc biệt xuất sắc cho sự nghiệp phát triển GDĐT, có ý nghĩa xã hội to lớn, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được đơn vị thụ hưởng và cơ quan quản lý trực tiếp của đơn vị thụ hưởng xác nhận;

d) Có thời gian công tác tại đơn vị từ 05 năm trở lên, có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập (năm tròn).

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT hoặc có thành tích xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống,

khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh ở đơn vị, địa phương;

c) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục và được đơn vị thụ hưởng xác nhận;

d) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập (năm tròn).

Điều 22. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (sau đây viết tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ GDĐT để tặng một lần cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Cá nhân trong ngành Giáo dục

a) Nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan quản lý giáo dục (bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương) có thời gian công tác trong ngành Giáo dục từ 20 năm trở lên. Trường hợp cá nhân đang công tác được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự, sau đó tiếp tục công tác trong ngành Giáo dục thì thời gian đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác trong ngành Giáo dục để xét tặng Kỷ niệm chương. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương;

b) Cá nhân đang công tác từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn so với thời gian quy định tại điểm a khoản này là 05 năm.

2. Cá nhân ngoài ngành Giáo dục

a) Đã đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý từ 05 năm trở lên, có nhiều đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần vào sự phát triển của ngành Giáo dục;

b) Có nhiều đóng góp trong việc tham gia ban hành cơ chế chính sách, tổ chức các hoạt động thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của ngành Giáo dục hoặc xây dựng, ủng hộ tài chính, hiện vật cho sự phát triển ngành Giáo dục, được đơn vị thụ hưởng xác nhận;

c) Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người Việt Nam làm việc cho tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và người nước ngoài có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, phát triển sự nghiệp GDĐT của Việt Nam, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Giáo dục Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh do

Giám đốc Sở thành lập, có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở về công tác thi đua khen thưởng của ngành Giáo dục.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở;
- b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: 01 Phó Giám đốc Sở phụ trách đơn vị tham mưu công tác thi đua khen thưởng là Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Giám đốc Sở;
- c) Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quyết định thành phần, số lượng thành viên và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh

- a) Tham mưu xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b). Tham mưu Giám đốc Sở tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;
- c) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;
- d) Tham mưu cho Giám đốc Sở kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;
- đ) Tham mưu, tư vấn cho Giám đốc Sở quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Văn phòng Sở là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh.

Điều 24. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị trực thuộc Sở

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các đơn vị trực thuộc Sở có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho người đứng đầu đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua, Khen thưởng đơn vị, gồm:

- a) Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Sở là Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng;
- b) Đại diện các đoàn thể và các ủy viên;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng do người đứng đầu đơn vị quyết định.

3. Tùy tình hình thực tiễn của đơn vị, người đứng đầu đơn vị quyết định thành phần, số lượng thành viên và quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng Thi đua khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN, HỒ SƠ THỦ TỤC THỜI GIAN KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 25. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
 - a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen;
 - b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước;
 - d) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Thẩm quyền của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở:
 - a) Quyết định khen thưởng cho giáo viên, nhân viên và học sinh trong đơn vị theo thẩm quyền;
 - b) Trình Giám đốc Sở tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen;
 - c) Trình Giám đốc Sở đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
3. Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo
 - a) Tổng hợp, thẩm định hồ sơ trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành xét, đề nghị Giám đốc Sở quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền;
 - b) Tổng hợp, thẩm định hồ sơ, thành tích khen thưởng cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp nhà nước, trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành xét, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 26. Thời gian trình khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo năm học, các đơn vị gửi về Văn phòng Sở chậm nhất ngày **30 tháng 6 hằng năm**.
2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), khen thưởng đợt xuất thực hiện theo quy chế và kế hoạch, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo. Các trường hợp khen thưởng đợt xuất, ngay sau khi đơn vị, cá nhân lập được thành tích, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm trình Giám đốc Sở xét, quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 27. Thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 30, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 44 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân (người đứng đầu cơ quan, đơn vị) thuộc đối tượng lấy ý kiến hiệp ý của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý về ngành, lĩnh vực: bổ sung thêm 01 bộ bản chính.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 30, khoản 1 và 2 Điều 34, Điều 43 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

3. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

a) Báo cáo thành tích thực hiện đúng theo các mẫu quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

b) Báo cáo thành tích phải đảm bảo đầy đủ căn cứ chứng minh kèm theo. Trường hợp khen thưởng về thành tích xuất sắc trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế phải có quyết định nghiệm thu, công nhận của cấp có thẩm quyền và các tài liệu chứng minh việc áp dụng đạt hiệu quả cao trong thực tiễn hoặc đạt giải trong các hội thi, hội thao, hội diễn, giải thưởng... phải có quyết định hoặc giấy chứng nhận đạt giải của cấp có thẩm quyền công nhận kèm theo.

c) Báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền.

Điều 28. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 29. Quy định về lấy ý kiến đề nghị khen thưởng

Thực hiện theo Điều 16, Quy định 11; khoản 6, Điều 14, Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT.

Điều 30. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng theo quy định hiện hành.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG;

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Thành lập quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành Giáo dục được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách và được phân bổ ngay từ đầu năm với mức tối đa bằng

20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ sở giáo dục tự thực và dân lập được tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

Điều 32. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: Chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được; chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng để chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến, học tập, trao đổi kinh nghiệm về thi đua, khen thưởng; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại Nghị định 98/2023/NĐ-CP theo nguyên tắc:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng;

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng;

d) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa được công nhận danh hiệu thi đua vừa được quyết định hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm của các phòng Giáo dục và Đào tạo; các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương,

của tỉnh và Quy chế này, đồng thời xây dựng, ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong phạm vi quản lý việc triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Sở tham mưu cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập và tổ chức hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành theo đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng Quy định này.

Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Quy định này, sau khi có kết quả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan, các đơn vị thuộc Sở GDĐT chủ trì tham mưu tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan này phối hợp Văn phòng tham mưu trình Giám đốc quyết định khen thưởng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, giải quyết./.
